

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 32/2021/DS-ST

Ngày: 26-02-2021

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Tùng.

2. Bà Trần Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiêu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai, theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 460/2020/TLST–DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ: Số 2 N, phường A, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Giỏi, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh T.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đào Văn V, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch V – Chi nhánh T.

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh T.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 16/12/2019 và ngày 31/8/2020)

- Bị đơn: Ông Dương Văn Ph, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh T.

Ông V có mặt, ông Ph vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/8/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông V đại diện cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 28/5/2018, ông Ph ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh T hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng, Bản điều khoản, điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Căn cứ vào thu nhập của ông Ph, Ngân hàng đã đồng ý cấp cho ông Ph thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, tính đến ngày Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn (ngày 22/8/2020), ông Ph đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 55.690.000 đồng, tiền lãi là 15.563.761 đồng, tiền phí là 3.548.756 đồng. Tính đến ngày 22/8/2020, ông Ph đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 40.315.000 đồng (trong đó tiền vốn 23.184.110 đồng, tiền lãi và tiền phí là 17.130.890 đồng), còn dư nợ quá hạn 34.487.517 đồng. Kể từ đó đến nay, ông Ph không thanh toán cho Ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở, tạo điều kiện cho ông Ph thanh toán khoản vay thẻ tín dụng, nhưng ông Ph không có thiện chí trả nợ.

Do ông Ph vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Ph trả cho Ngân hàng số tiền dư nợ quá hạn 34.487.517 đồng và lãi quá hạn tính đến ngày 26/02/2021 là 6.584.377 đồng, tổng cộng 41.071.894 đồng; Buộc ông Ph phải thanh toán phần nợ lãi phát sinh sau ngày 26/02/2021, đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng ngày 09/5/2018, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Ông Ph đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Ph đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Ph theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét Ngân hàng Thương mại Cổ phần S yêu cầu ông Ph trả số tiền dư nợ quá hạn 34.487.517 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày 26/02/2021 là 6.584.377 đồng, tổng cộng 41.071.894 đồng và lãi suất phát sinh sau ngày 26/02/2021, đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 09/5/2018, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, thấy rằng:

Ngày 28/5/2018, ông Ph ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh T hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với số tiền 40.000.000 đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, tính đến ngày 22/8/2020, ông Ph đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 55.690.000 đồng, tiền lãi là 15.563.761 đồng, tiền phí là 3.548.756 đồng. Tính đến ngày 22/8/2020, ông Ph đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 40.315.000 đồng (trong đó tiền vốn 23.184.110 đồng, tiền lãi và tiền phí là 17.130.890 đồng), còn dư nợ quá hạn 34.487.517 đồng, được thể hiện tại Tóm tắt sao kê ngày 31/8/2020.

Tuy nhiên quá trình thực hiện hợp đồng, ông Ph thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của mình nên đã vi phạm hợp đồng, là có lỗi, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với bên cho vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh T yêu cầu ông Ph trả số tiền dư nợ quá hạn 34.487.517 đồng, lãi suất quá hạn tính đến ngày 26/02/2021 là 6.584.377 đồng, tổng cộng 41.071.894 đồng và lãi suất phát sinh sau ngày 26/02/2021, đối với số nợ còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 09/5/2018, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là có căn cứ.

Mặt khác, ông Ph không phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh T.

[4] Về án phí: Ông Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 463 và 466 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh T.

2. Buộc ông Dương Văn Ph có nghĩa vụ trả ngay cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh T số tiền nợ gốc quá hạn 34.487.517 đồng, lãi suất quá hạn 6.584.377 đồng (lãi suất tạm tính đến ngày 26/02/2021), tổng cộng 41.071.894 đồng (Bốn mươi một triệu, không trăm bảy mươi một nghìn, tám trăm chín mươi bốn đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày 26/02/2021, ông Ph còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 28/5/2018, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Về án phí: Ông Dương Văn Ph phải chịu 2.053.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh T 873.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0005940 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

5. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Chi nhánh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử Phc thẩm. Ông Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu xét xử Phc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục thi hành án dân sự H.Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức